

Số: 1136 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Cơ khí tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 146 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 09 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 (2011 - 2015)	K54 (2012 - 2016)	K56 (2014 - 2018)	K57 (2015 - 2019)	K58 (2016 - 2020)	Cộng
1	Công nghệ chế tạo máy	01	-	01	04	11	17
2	Kỹ thuật cơ điện tử	-	01	-	02	22	25
3	Kỹ thuật cơ khí	-	-	02	04	62	68
4	Kỹ thuật nhiệt	-	-	-	01	35	36

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 (2015-2018)	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	02	-	-	02
2	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	02	02	03	07

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Cơ khí và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



Trang Pí Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
 Theo Quyết định số 1136 /QĐ-ĐHNT ngày 12 tháng 9 năm 2020
 Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	53130692	Lê Minh Khánh	25/03/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CTM	2011-2015
2	56136288	Huỳnh Trọng Sơn	12/02/1996	Gia Lai	Nam	Khá	56.CTM	2014-2018
3	57130362	Tô Vàng Hậu	06/01/1996	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
4	57132425	Huỳnh Công Minh	24/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019
5	57130411	Trần Quang Phước	13/09/1997	Gia Lai	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
6	57131209	Lê Việt Tuấn	05/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
7	58133263	Trần Quốc Bảo	21/07/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
8	58131722	Nguyễn Tấn Chiêu	09/03/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
9	58131727	Bùi Đức Hà	29/06/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
10	58131734	Nguyễn Hoàng Hiệp	16/08/1995	Thái Bình	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020
11	58131622	Trần Đại Hưng	11/10/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020
12	58131738	Hồ Thanh Huy	16/10/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020
13	58131762	Đoàn Đức Tân	20/10/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020
14	58131764	Nguyễn Trọng Toan	01/07/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020
15	58131772	Nah Ria Việt	26/12/1996	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
16	58131773	Nguyễn Khắc Vũ	17/04/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
17	58133268	Nguyễn Nguyễn Vũ	23/04/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CTM	2016-2020

Danh sách có 17 sinh viên

2. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	54131197	Bùi Ngọc Sang	15/12/1992	Phú Yên	Nam	Khá	54.CDT	2012-2016
2	57131551	Chế Minh Đức	18/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CDT	2015-2019
3	57131556	Nguyễn Thanh Hưng	26/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CDT	2015-2019
4	58131777	Lê Văn Chánh	01/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
5	58131781	Đoàn Thanh Dương	08/08/1998	Phú Yên	Nam	Xuất sắc	58.CDT	2016-2020
6	58131787	Đoàn Văn Giang	26/01/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
7	58131791	Nguyễn Ngọc Hoàng Hân	25/06/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
8	58131792	Đoàn Văn Hậu	10/01/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
9	58131794	Từ Quang Hiên	06/09/1998	Quảng Bình	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
10	58131795	Ngô Hoàng Hiệp	02/05/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CDT	2016-2020
11	58133271	Trần Xuân Hiếu	23/08/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CDT	2016-2020
12	58131797	Dương Thanh Hòa	07/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
13	58131799	Hồ Thanh Hoang	25/01/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
14	58131805	Hồ Quốc Hưng	25/07/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
15	58131802	Nguyễn Hoàng Huy	28/12/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
16	58133274	Nguyễn Thị Mỹ Linh	20/01/1999	Nghệ An	Nữ	Xuất sắc	58.CDT	2016-2020
17	58131824	Lê Châu Mỹ	13/09/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
18	58133492	Nguyễn Hữu Phong	15/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
19	58131833	Võ Văn Quyền	13/08/1998	Ninh Thuận	Nam	Giỏi	58.CDT	2016-2020
20	58131838	Huỳnh Văn Tính	20/11/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
21	58131839	Võ Thành Toán	21/01/1996	Quảng Ngãi	Nam	Giỏi	58.CDT	2016-2020
22	58132346	Phạm Đức Toàn	16/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020

ABH

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
23	58131856	Hồ Ngọc Trục	14/04/1998	Quảng Ngãi	Nam	Giỏi	58.CDT	2016-2020
24	58131843	Đoàn Quốc Tường	01/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
25	58131857	Phạm Tuấn Vũ	10/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020

Danh sách có 25 sinh viên

3. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132103	Thành Phú Lương	28/07/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
2	56131195	Phạm Minh Tuấn	03/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
3	57131165	Trần Chí Hiếu	09/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
4	57131763	Nguyễn Tấn Huy	26/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
5	57132388	Huỳnh Ngọc Quân	13/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
6	57130273	Trần Nguyễn Thanh Vinh	26/03/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	57.KTCK	2015-2019
7	58131579	Phan Văn Chương	02/01/1996	Gia Lai	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
8	58131589	Đỗ Cao Đạt	17/03/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
9	58131588	Trần Ngọc Dương	12/10/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
10	58131600	Trần Nhật Hào	18/04/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
11	58131606	Trịnh Trọng Hiếu	07/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
12	58131615	Đinh Khắc Huy	10/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
13	58131617	Nguyễn Công Huy	08/08/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
14	58131742	Trần Văn Kiệt	08/10/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
15	58131948	Nguyễn Trọng Luân	12/07/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
16	58131633	Trần Bá Lương	02/07/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
17	58131641	Nguyễn Đình Ngọc	24/05/1998	Quảng Nam	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
18	58131660	Trần Xuân Quốc	03/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
19	58131665	Nguyễn Thanh Sang	10/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
20	58131673	Võ Trọng Tâm	20/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
21	58131696	Trần Tài Thôi	20/11/1997	Quảng Nam	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
22	58131698	Phạm Văn Thuận	10/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
23	58131679	Bùi Khắc Toàn	18/01/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-1	2016-2020
24	58133257	Phan Đức Trí	20/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
25	58131702	Nguyễn Hữu Trọng	25/03/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
26	58131704	Huỳnh Văn Trung	02/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
27	58131707	Lê Nhật Trường	27/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
28	58131710	Lê Văn Vinh	26/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
29	58131714	Phùng Tiến Vũ	10/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-1	2016-2020
30	58131573	Nguyễn Văn Can	16/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
31	58133241	Nguyễn Thành Chung	28/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
32	58133441	Võ Quốc Chương	16/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
33	58131580	Phạm Hồng Danh	10/01/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
34	58131593	Nguyễn Tiến Đạt	25/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
35	58131582	Nguyễn Tiến Dũng	12/01/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
36	58131586	Nguyễn Tùng Dương	30/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
37	58131585	Nguyễn Trọng Duy	05/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
38	58131599	Phạm Đức Hải	04/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
39	58131601	Nguyễn Phước Hậu	22/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
40	58131603	Nguyễn Trịnh Hiệp	22/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020

15



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
41	58131613	Lê Minh Hùng	02/10/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
42	58131484	Nguyễn Thành Hưng	08/09/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
43	58131621	Phạm Ngọc Hưng	16/04/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
44	58131623	Lê Trọng Hường	15/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
45	58133250	Trần Văn Khánh	10/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
46	58133251	Nguyễn Văn Linh	11/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
47	58131632	Phan Tấn Lực	28/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
48	58131634	Trần Mụn	10/02/1997	Quảng Trị	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
49	58131640	Nguyễn Công Ngọc	14/08/1998	Đắk Nông	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
50	58131642	Đào Tấn Nguyên	15/02/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
51	58131647	Nguyễn Võ Hoàng Phong	08/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
52	58131650	Nguyễn Hữu Phú	06/06/1997	Gia Lai	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
53	58131653	Nguyễn Hữu Phúc	15/09/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
54	58131659	Lê Minh Quang	02/03/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
55	58131686	Phạm Ngọc Thạch	11/04/1998	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
56	58131692	Đỗ Ngọc Thiên	28/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
57	58131695	Nguyễn Xuân Thịnh	22/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
58	58131697	Mai Văn Thu	07/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
59	58131677	Phan Đắc Tính	05/01/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
60	58133446	Lê Văn Tinh	16/04/1998	Gia Lai	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
61	58131701	Huỳnh Tuấn Trọng	04/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
62	58131703	Nguyễn Đình Trúc	25/05/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
63	58131706	Phan Tấn Bảo Trung	20/07/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
64	58133489	Nguyễn Văn Trung	20/06/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
65	58131681	Nguyễn Tấn Tú	20/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
66	58131683	Lê Duy Tuấn	26/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTCK-2	2016-2020
67	58131685	Nguyễn Văn Tuấn	28/01/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
68	58131719	Nguyễn Văn Yên	19/02/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020

Danh sách có 68 sinh viên

4. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130501	Nguyễn Phi Hoại	20/10/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
2	58133303	Trần Minh Ân	28/03/1997	Quảng Bình	Nam	Xuất sắc	58.CNNL	2016-2020
3	58132063	Trần Đình Châu	02/02/1998	Đồng Nai	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
4	58132062	Đinh Văn Công	10/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
5	58132065	Phạm Như Đài	12/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
6	58132066	Phạm Tấn Đại	12/11/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
7	58132067	Nguyễn Nhật Đạo	09/04/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
8	58132068	Đỗ Tiến Đạt	06/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
9	58132069	Trần Văn Đạt	05/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
10	58132071	Phạm Bảo Hân	15/06/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
11	58132072	Võ Nguyễn Ngọc Hiếu	11/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
12	58132073	Nguyễn Hữu Hoà	19/11/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
13	58132076	Đào Lê Hùng	26/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
14	58132078	Võ Đức Huy	20/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
15	58132079	Võ Thanh Kỳ	24/06/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020

15



TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
16	58132081	Võ Thành	28/05/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
17	58132082	Nguyễn Tài Hoàng	06/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNNL	2016-2020
18	58132084	Trần Ngô	06/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
19	58132085	Nguyễn Hoàng Khánh	11/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
20	58132087	Nguyễn Tân	05/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
21	58131749	Huỳnh Thạch	22/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
22	58132091	Đào Đình	15/02/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
23	58133305	Phạm Công	15/01/1998	Nam Định	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
24	58132412	Nguyễn Công	19/07/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
25	58131768	Bùi Minh	01/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
26	58132100	Huỳnh Kim	01/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
27	58132101	Ngô Phước	06/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
28	58132104	Nguyễn Hoàng	22/09/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
29	58132102	Võ Quang	11/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
30	58132095	Phạm Quang	09/09/1998	Nam Định	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
31	58132096	Đoàn Văn	26/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
32	58132097	Phạm Xuân	19/05/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
33	58133306	Nguyễn Minh	17/02/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
34	58132246	Lộ Phú	22/12/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
35	58132108	Trần Minh	12/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNNL	2016-2020
36	58132111	Nguyễn Duy	12/12/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020

Danh sách có 36 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020

Theo Quyết định số 1136/QĐ-ĐHNT ngày 22/tháng 9 năm 2020

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160339	Nguyễn Hoàng Quốc	08/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CDT	2015-2018
2	55131674	Trần Văn Thanh	01/08/1995	Phú Yên	Nam	Khá	57C.CDT	2015-2018

Danh sách có 02 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57167041	Trần Hữu Lộc	26/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.NL	2015-2018
2	57160715	Lê Minh Trí	21/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.NL	2015-2018
3	58160774	Lê Lương Trường	11/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019
4	58133121	Nguyễn Thành Tuấn	20/03/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019
5	59161099	Đinh Tấn Khanh	15/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	59C.CNNL	2017-2020
6	59161136	Nguyễn Chí Tâm	10/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNNL	2017-2020
7	59161152	Võ Văn Thuận	02/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.CNNL	2017-2020

Danh sách có 07 sinh viên

(Signature)